Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 26.11.2019 14:39:02 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 426 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 25 tháng 11 năm 2019*

BÁO CÁO
Sơ kết thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 1384/QĐ-BNN-KH ngày 18/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Chương trình hành động thực hiện Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững" theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 2039/CT-BNN-KH ngày 20/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững,

Thực hiện Thông báo số 1335-TB/VPTU, ngày 15/10/2019 của Văn phòng Tỉnh ủy về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiến độ thực hiện Đề án Chuỗi giá trị nông nghiệp và kết quả làm việc với Công ty cổ phần Lavifood,

Uỷ ban nhân dân tỉnh báo cáo Sơ kết, đánh giá việc thực hiện Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2025" và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian tới như sau:

I. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Các Quyết định của tỉnh Tây Ninh đã ban hành

Thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 06/8/2013, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tại Quyết định số 1529/QĐ-UBND.

Năm 2015, Tỉnh đã tổ chức sơ kết 02 năm (2013-2015), qua sơ kết Tỉnh đã rút ra những hạn chế và định hướng vấn đề cần tập trung trong thời gian tới nhằm đáp ứng tình hình thực tế và yêu cầu lộ trình hội nhập quốc tế. Để tiếp tục thực hiện cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, ngày 22/12/2016 Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình số 07-CTr/TU về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với cơ cấu lại nông nghiệp; ngày 20/02/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 382/QĐ-UBND phê duyệt Đề án cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh Tây Ninh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Nhận thức về tái cơ cấu nông nghiệp

Việc cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh với mục tiêu nâng cao lợi thế cạnh tranh của các ngành hàng nông nghiệp nói riêng và toàn ngành nông nghiệp Tây Ninh nói chung, từ cơ cấu lại sử dụng các nguồn lực, cơ cấu lại về hình thức tổ chức sản xuất và đặc biệt là cơ cấu lại ngành hàng sản xuất kinh doanh nhằm gia tăng giá trị, phát triển bền vững và xu hướng phát triển hội nhập kinh tế quốc tế. Với các nội dung này, Tỉnh cũng đã xác định cần có sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, xã hội vào quá trình cơ cấu lại nông nghiệp;

nông dân và doanh nghiệp trực tiếp đầu tư đổi mới quy trình sản xuất, công nghệ và thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn.

Công tác tuyên truyền về cơ cấu lại nông nghiệp được thực hiện đồng bộ từ Tỉnh đến cơ sở; Đài phát thanh truyền hình tỉnh, huyện. Việc triển khai sâu rộng các nội dung đề án đã tạo nên sự nhận thức và hành động của các cấp ủy, chính quyền địa phương, đã tạo đồng thuận, thông suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện. Bên cạnh đó đã tổ chức, tham gia nhiều buổi Tọa đàm, chuyên mục, Hội nghị trong nước và quốc tế; điển hình là đã tổ chức thành công Hội nghị quốc tế về chuỗi giá trị phát triển nông nghiệp với nhiều chuyên gia, nhà quản lý, khoa học trong nước và quốc tế tham dự; tổ chức các đoàn xúc tiến đầu tư tại Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Braxin; tổ chức cho nông dân học tập kinh nghiệm mô hình nông nghiệp công nghệ cao trong và ngoài nước (Đài Loan, Thái Lan,...) và các mô hình tiên tiến các tỉnh trong khu vực (ĐBSCL, Bình Dương, Đồng nai,…); qua công tác tuyên truyền, tổ chức hội nghị đã góp phần nâng cao nhận thức người dân và doanh nghiệp, thúc đẩy người sản xuất tin tưởng mạnh dạn chuyển đổi sản xuất, thu hút nhà doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tìm hiểu để thực hiện các dự án đầu tư quy mô lớn.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về xây dựng quy hoạch, đề án

Đã tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện 7 Quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch theo luật quy hoạch: Sản xuất, phát triển và tiêu thụ rau an toàn đến năm 2020; Phát triển chăn nuôi, chế biến, giết mổ và tiêu thụ sản phẩm gia súc, gia cầm giai đoạn 2012-2020; Tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Cấp nước sạch và VSMTNT đến năm 2020; rà soát điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035 và rà soát điều chỉnh Thủy lợi tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2035.

Đồng thời đã tiếp tục xây dựng và ban hành 07 đề án, 11 chính sách; 05 kế hoạch để phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh.

Nhìn chung, các quy hoạch, đề án, chính sách đã bước đầu đi vào cuộc sống và có tác động thúc đẩy phát triển tích cực cho nông nghiệp kinh tế nông thôn góp phần định hướng phát triển nông nghiệp trên các lĩnh vực.

2. Tái cơ cấu trong các lĩnh vực

Giai đoạn 2013-2019, GTSX nông lâm thủy sản tăng bình quân 2,09%/năm; ước thực hiện đến cuối năm 2019, GTSX đạt 26.522.253 triệu đồng, tăng 13,2% so với năm 2013. Cụ thể:

2.1. Trồng trọt

Giai đoạn 2013 – 2019, cơ cấu cây trồng chuyển biến rõ nét theo hướng tập trung đáp ứng hội nhập kinh tế thế giới, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh gắn với thị trường và công nghiệp chế biến. Cụ thể: Giảm diện tích lúa giảm trung bình 0,9%/năm, hiện còn 146.000 ha (giảm 9.909 ha DTGT lúa 1–2 vụ kém hiệu quả); cây mía giảm trung bình 11,5%/năm, hiện còn 7.700 ha; cao su giảm trung bình 0,2%/năm, tuy diện tích các cây giảm nhưng năng suất và sản lượng nhìn chung cao hơn so với năm 2013.

Diện tích cây khoai mì từ 45.658 ha năm 2013 tăng lên 57.000 ha ước đến cuối năm 2019, tốc độ bình quân 3,5%/năm, cây ăn trái từ 14.691 ha năm 2013 lên 21.730 ha ước đến cuối năm 2019 tốc độ tăng bình quân 6,8%/năm. Điểm nổi bật nhất trong thời gian qua là chuyển đổi giảm mạnh 10.000 ha lúa, cao su, mía,… chuyển đổi sang trồng các loại cây ăn quả, khoai mì.

Mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được ứng dụng ngày càng rộng rãi trong sản xuất: hiện có 50% diện tích mía (3.000 ha) ứng dụng công nghệ cơ giới hóa từ khâu trồng đến thu hoạch, 60% diện tích mì (30.000 ha) được áp dụng hệ thống tưới tiết kiệm; Ứng dụng công nghệ nhà lưới, nhà màng 39 trang trại trồng dưa lưới với tổng diện tích trên 21,3 ha, các loại cây trồng chủ yếu rau cải các loại, dưa leo...các trang trại hầu hết sử dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm, một số trang trại áp dụng công nghệ trong việc kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm và áp dụng công nghệ sinh học trong quá trình thụ phấn cho cây trồng. Ngoài ra, ứng dụng công nghệ cao trong trồng các giống hoa lan nhiệt đới, diện tích 85 ha, lan cắt cành và lan ngọc điểm đang được ứng dụng rộng rãi.

Phát triển nông nghiệp sạch ngày càng được chú trọng, hiện đã hỗ trợ chứng nhận sản xuất rau chứng nhận VietGAP, GlobalGAP là 410 ha; trên 1.370 ha diện tích cây ăn trái được chứng nhận VietGAP; vùng lúa chất lượng cao đạt tiêu chuẩn VietGAP 1.986,24 ha với 42 tổ liên kết. Sản lượng nông sản, thực phẩm theo quy trình VietGAP, GlobalGAP, Organic và ứng dụng công nghệ cao đã dần nâng cao chất lượng nông sản và nâng cao nhận thức cho người sản xuất sản phẩm an toàn, từng bước tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

Ngoài ra, nhằm đáp ứng yêu cầu minh bạch sản phẩm cho cây ăn quả, tỉnh đã triển khai thực hiện phầm mềm truy xuất nguồn gốc điện tử KIPUS cho nông dân trồng cây ăn quả và đăng ký thông tin vùng trồng và cơ sở đóng gói trái cây tươi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh để cấp mã số xuất khẩu thị trường Trung Quốc. Hiện có 42 hộ thực hiện phần mềm KIPUS với diện tích 608 ha và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp 46 mã vùng trồng với tổng diện tích 1.975 ha, gồm: Nhãn, chuối già Nam mỹ, chôm chôm, mít, thanh long.

Mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ phát triển khá mạnh: lúa chất lượng cao với diện tích 1.478,3 ha trên 6 huyện trọng điểm lúa của tỉnh. Trên cây rau, cây ăn trái đã hỗ trợ thành lập 58 tổ liên kết sản xuất gắn với chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ.

Đề án "Phát triển chuỗi giá trị và cụm ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh" được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 20/9/2019. Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai Đề án "Phát triển chuỗi giá trị và cụm ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh" đến các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố; hiện ngành đang xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện .

Nhìn chung, sản xuất trồng trọt sau khi thực hiện cơ cấu lại đã có chuyển biến rõ nét về phát triển sản phẩm, giá trị gia tăng cao, từng bước liên kết chuỗi giá trị, sản xuất nâng cao chất lượng theo hướng GAP, hướng tới các yêu cầu thị trường xuất khẩu như truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng,...

GTSX trồng trọt thực hiện 20.000 tỷ đồng, tăng 6,4% so với năm 2013 (giá trị tăng thêm 1.197 tỷ đồng). Giá trị sản phẩm bình quân thu được trên 01ha đất trồng trọt năm 2019 đạt 95,5 triệu đồng.

2.2. Chăn nuôi

Cơ cấu chăn nuôi tiếp tục chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi quy mô trang trại, gia trại tập trung, đảm bảo an toàn sinh học; phát triển khá mạnh theo mô hình trang trại lạnh, quy mô lớn, chăn nuôi khép kín có bước tăng trưởng vượt bậc. Đến nay tỷ lệ chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại tập trung công nghiệp, bán công nghiệp chiếm trên 67% so với tổng đàn với 1.465 trang trại, gia trại (trong đó: 259 trang trại, 1.206 gia trại), 300.055 con gia súc (heo, bò, trâu), 6,9 triệu con gia cầm. Ngành chăn nuôi mặc dù đang chịu nhiều áp lực cạnh tranh bởi thịt nhập khẩu nhưng vẫn từng bước ổn định.

Việc cơ cấu lại theo đàn vật nuôi được xác định ưu tiên ở các loại sản phẩm chính

như: chăn nuôi gà, heo, bò thịt, bò sữa. So với năm 2013, số lượng gia cầm hiện có 6,9 triệu con, tăng 40,8% so với năm 2013; riêng số lượng đàn heo giảm 2,3% do ảnh hưởng của bệnh dịch tả heo Châu phi xảy ra trên đại bàn tỉnh (đến nay có trên 31.000 con heo bị tiêu hủy); bò thịt tăng 0,1%/năm.

Chăn nuôi tập trung, quy mô lớn đều tăng, trong đó: bò sữa tăng gần 5 lần (từ 2.664 con lên 13.000 con, sữa tươi tăng từ 8.883 tấn lên 45.000 tấn). Điểm nổi bật trong chăn nuôi là chuyển dịch mạnh phương thức chăn nuôi tập trung qui mô lớn thay dần chăn nuôi nhỏ lẻ, đến cuối năm 2019 tỷ lệ chăn nuôi gia súc, gia cầm trang trại, gia trại tập trung công nghiệp, bán công nghiệp chiếm trên 67% tổng đàn, tăng 32% so với năm 2013 (trong đó: trâu bò thịt tăng 15%, heo tăng 49%, gia cầm tăng 14%, bò sữa tăng 64%).

Cải tạo giống bò sữa, nâng cao chất lượng bò thịt, đã làm gia tăng năng suất chất lượng cao, sản lượng thịt heo, bò, gia cầm góp phần tăng hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh sản phẩm.

Hệ thống cơ sở giết mổ đã được quy hoạch cụ thể, từng bước xóa bỏ, di dời các cơ sở nằm trong khu dân cư, không bảo đảm an toàn thực phẩm, môi trường, đã giảm các điểm giết mổ nhỏ lẻ từ 75 điểm (năm 2013) xuống còn 19 điểm năm 2019, trong đó có 2 nhà máy giết mổ bò thịt, gia cầm qui mô lớn, hiện đại. Công tác xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh, chăn nuôi VietGAHP cũng đã được triển khai. Năm 2013, tỉnh chưa có cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh và VietGAHP. Đến năm 2019, có 01 huyện Dương Minh Châu (11 xã) được chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh (ATDB) đối với bệnh cúm gia cầm và Niu-cát-xơn trên gà; 67 cơ sở ATDB (10 trang trại heo thịt với 40.350 con, 53 trang trại gà thịt với 1.835.750 con, 02 trang trại nuôi vịt với 15.000 con và 02 trang trại bò với 6.617 con); 58 cơ sở được cấp giấy chứng nhận VietGAHP (30 trang trại chăn nuôi heo thịt với 69.130 con và 28 trại gà với 1.381.250 con. Sản phẩm chăn nuôi sạch bệnh, an toàn hiện nay đạt trên 50% (bò sữa 95%, gà thịt 55,6%, heo 51,2%, trâu bò thịt 10%).

Qua thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chăn nuôi tiếp tục tăng trưởng. GTSX chăn nuôi năm 2019 thực hiện 3.959 tỷ đồng, tăng 55% so với năm 2013 (2.553 tỷ đồng). Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm 15,4%. Sản phẩm chăn nuôi cơ bản đáp ứng nhu cầu thực phẩm của người tiêu dùng và thị trường.

2.3. Lâm nghiệp

Công tác triển khai thực hiện cơ cấu lại lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, rừng được bảo vệ, phát triển ổn định cả về số lượng lẫn chất lượng. Từ năm 2013 đến nay, diện tích rừng được đầu tư bảo vệ trên địa bàn tỉnh là 368.125 lượt ha (bình quân 52.589 ha/năm); chăm sóc 9.197 lượt ha (bình quân 1.533 ha/năm); toàn bộ diện tích rừng nói trên đều được giao khoán cho hộ gia đình và nhóm hộ nhận khoán bảo vệ; tình trạng phá rừng, khai thác gỗ và lâm sản trái phép ngày càng kéo giảm (với số vụ vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng giảm bình quân hàng năm từ 20-25%).Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy và chống phá rừng các năm qua luôn được quan tâm chỉ đạo tích cực. Diện tích khoanh nuôi đã phát triển thành rừng trên 8.045 ha; công tác giải quyết tình trạng lấn chiếm và sử dụng đất lâm nghiệp sai mục đích được thực hiện quyết liệt chuyển đất sang trồng rừng mới 2.020,3 ha, bình quân 404,06 ha/năm; độ che phủ của rừng tăng từ 15,7% năm 2013 lên 16,3% ước thực hiện đến cuối năm 2019 (bao gồm cả độ che phủ cây cao su trên địa bàn là 40,3%).

Công tác quản lý cây giống lâm nghiệp đưa vào trồng rừng được quan tâm, đảm bảo chất lượng, có giấy chứng nhận nguồn gốc (keo giâm hom, nuôi cây mô…) đưa vào trồng rừng tăng trưởng rừng trồng tăng bình quân hàng năm từ 15 đến 20m^3/ha năm.

Về nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến, trên địa bàn tỉnh có khoảng 322 công ty, doanh nghiệp, cơ sở chế biến gỗ với tổng công suất hoạt động là 274.521m^3/năm. Nguồn nguyên liệu chủ yếu là nhập khẩu, sản lượng gỗ khai thác, tỉa thưa từ rừng trồng, cây trồng phân tán của tỉnh, đáp ứng đủ cho nhu cầu chế biến. Công nghệ chế biến gỗ ngày càng hiện đại, giá trị lâm sản qua chế biến được nâng cao, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước, xuất khẩu góp phần đáng kể cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Việc khai thác cây phụ trợ là cây keo trồng xen trên diện tích trồng rừng đặc dụng và phòng hộ đã giải quyết đáng kể cho nhu cầu gỗ chế biến và sử dụng của nhân dân địa phương, giảm sức ép vào rừng (bình quân tỉa thưa trên 30.000m^3/năm).

Thu nhập của người lao động làm nghề rừng từ tiền công trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng còn được khai thác, tỉa thưa cây phụ trợ trong rừng trồng và cây trồng phân tán bình quân 80-90 m^3/ha/lần (5-7 năm/lần), giá trị thu nhập cây trồng phụ trợ 1 ha rừng trồng phòng hộ, đặc dụng bình quân từ 10-12 triệu đồng/ha/năm và rừng sản xuất trên 25 triệu đồng/ha/năm. Ngoài thu nhập từ gỗ, hộ gia đình nhận khoán còn thu nhập từ cây nông nghiệp (cây mì) trồng xen trong rừng trồng 3 năm đầu và giá trị mang lại từ khai thác mủ cây cao su trong quy hoạch lâm nghiệp bình quân 30 triệu đồng/ha/năm.

Bên cạnh đó, tính đến nay việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh tạo được nguồn tài chính hỗ trợ thêm cho công tác quản lý bảo vệ rừng góp phần tăng thu nhập với mức chi trả bình quân 300.000 đồng/ha/năm. Thu nhập của lao động làm nghề rừng bình quân khoảng 35-40 triệu đồng/năm.

2.4. Thủy sản

Diện tích nuôi trồng được duy trì hàng năm trên 900 ha, tập trung cho đối tượng chính cá tra với khoảng 500 ha bước đầu tạo vùng nuôi cá tra công nghiệp gắn với chế biến xuất khẩu (01 nhà máy chế biến cá tra đạt tiêu chuẩn VietGAP). Hàng năm, triển khai thả trên 500.000 cá giống vào hồ Dầu Tiếng nhằm tái tạo, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, tạo nguồn cho ngư dân đánh bắt.

Năm 2019, tổng sản lượng thủy sản đạt 14.222 tấn, tăng 20,9% so với năm 2013 (trong đó sản lượng nuôi trồng 10.722 tấn). GTSX thủy sản năm 2019 là 430.250 triệu đồng, tăng 14,19% so với năm 2013.

2.5. Thủy lợi, phát triển hạ tầng và nước sạch nông thôn

Hạ tầng thủy lợi tiếp tục được quan tâm, thực hiện tốt việc duy tu, sửa chữa và bảo dưỡng, điều tiết nước tưới hợp lý, thực hiện triệt để các biện pháp tiết kiệm trên toàn hệ thống đảm bảo cho sản xuất. Tập trung cơ cấu lại đầu tư thủy lợi theo hướng phát triển hệ thống hạ tầng thủy lợi gắn với chuyển đổi cây trồng cạn, cây trồng có giá trị kinh tế cao, thủy lợi phục vụ vùng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt việc tập trung đầu tư các dự án kênh tưới, tiêu đã và đang đầu tư góp phần phát huy hiệu quả chuyển đổi cây trồng, đáp ứng khả năng tiêu, thoát nước kịp thời, triệt để, điểm nổi bật nhất dự án Tưới tiêu phía Tây sông Vàm Cỏ Đông phục vụ tưới tiêu với diện tích 17.000 ha đất nông nghiệp, cấp nước cho sản xuất công nghiệp, sinh hoạt và chăn nuôi cho người dân 02 huyện biên giới là Châu Thành và Bến Cầu. Việc thay đổi cơ cấu đầu tư các dự án kênh tiêu chuyển đổi cây trồng đã góp phần chuyển đổi nhiều vùng đất ngập cục bộ, đất lúa sản xuất cây trồng cạn hiệu quả thấp do úng ngập sang trồng cây ăn quả, khoai mì, hoa màu khác, với diện tích có khả năng chuyển đổi cây trồng khoảng 7.790 ha cây trồng cạn.

Kết quả đã thực hiện đầu tư 29 dự án (15 tuyến kênh tiêu, 11 công trình kênh tưới, 03 đê bao), theo Quy hoạch Thủy lợi tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến

năm 2035; trong đó: một số dự án trọng điểm mới được đưa vào sử dụng, tăng diện tích tưới, tiêu: kênh tưới Phước Hòa - Tân Biên; đê bao chuyển đổi cơ cấu cây trồng ấp Phước Đông, xã Phước Chỉ, huyện Trảng Bàng; đê bao Vùng lúa chất lượng cao xã An Thạnh, huyện Bến Cầu; kênh tiêu Tà Xia (huyện Tân Biên), Tân Phú - Tân Hưng (huyện Tân Châu); Truông Mít, Lộc Ninh, Phước Ninh, Phước Minh (huyện Dương Minh Châu); Mỏ Công, Tân Phong (huyện Tân Biên), Bàu Đồn (huyện Gò Dầu),...; đến cuối năm 2019, diện tích tưới, tiêu là 148.214 ha, tăng 15,3% so với năm 2013 (tương đương 19.702 ha, năm 2013 là 128.512 ha); cấp nước công nghiệp khoảng 4,2 triệu m^3. Đồng thời đẩy mạnh ứng dụng, phát triển mô hình canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn với diện tích năm 2019 khoảng 32.592 ha.

Cấp nước sạch nông thôn được quan tâm đầu tư, kết quả đầu tư mới, nâng cấp sửa chữa: 14 công trình, kinh phí 51.969 triệu đồng, góp phần nâng số hộ sử dụng nước từ 14.140 hộ năm 2016 lên 20.013 hộ năm 2020 (tăng thêm là 5.873 hộ, đạt 41,5%); thực hiện chính sách hỗ trợ hệ thống xử lý nước hộ gia đình nông thôn giai đoạn 2018-2020 được 7.244 hộ, với tổng kinh phí: 41.255 triệu đồng; Đến năm 2019, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%, trong đó: tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước sạch theo QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế đạt 62%, tại các xã nông thôn mới đạt 65%.

2.6. Ứng dụng khoa học công nghệ và khuyến nông

Trong giai đoạn 2013-2019 đã triển khai 16 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, 6 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở vào thực tiễn, giúp nông dân tiếp cận và áp dụng các mô hình và kỹ thuật mới trong lĩnh vực nông nghiệp; qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng chuỗi giá trị sản phẩm đáp ứng yêu cầu xuất khẩu và thị trường tiêu dùng. Một số đề tài, dự án chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ các giống cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh tiêu biểu như:

- Đề tài: *"Ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất sản phẩm thức ăn hoàn chỉnh được lên men (FTMR) từ phụ phẩm nông nghiệp phục vụ chăn nuôi đại gia súc ở Tây Ninh"*.

- Đề tài: *"Đánh giá khả năng sản xuất của con lai giữa bò lai sind với một số giống bò thịt cao sản trong điều kiện chăn nuôi tại tỉnh Tây Ninh"*.

- Đề tài: *"Nghiên cứu chế biến sản phẩm nước trái cây lên men từ trái mãng cầu ta Tây Ninh"*.

- Đề tài: *"Máy thu hoạch khoai mì"*.

- Dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi: *"Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao hiệu quả sản xuất một số loại cây ăn quả (mãng cầu ta, nhãn, ổi) tại huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh"*.

- Dự án sản xuất thử nghiệm: *"Nhân nuôi, sản xuất hàng loạt ong mắt đỏ phòng trừ sâu đục thân hại mía trên địa bàn tỉnh Tây Ninh"*.

Ngoài ra phối hợp với các Đoàn thể tổ chức 87 lớp đào tạo, tập huấn, chuyển giao mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ cho các Đoàn viên, hội viên như: trồng rau thủy canh, trồng rau theo hướng hữu cơ, trồng lan cắt cành, trồng nấm, xử lý rác sinh hoạt hữu cơ hộ gia đình, đệm lót sinh học, đèn chiếu sáng giao thông nông thôn bằng năng lượng mặt trời, thiết bị xử lý nước nhiễm phèn, aquaponics, ủ phân hữu cơ sinh học,v.v… nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của người dân trên địa bàn các huyện, thành phố đặc biệt là người dân ở khu vực nông thôn. Xây dựng và được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận thương hiệu cho 3 sản

phẩm đặc thù của tỉnh: chỉ dẫn địa lý "Bà Đen" cho sản phẩm mãng cầu; nhãn hiệu tập thể "Muối ớt Tây Ninh" và "Bánh tráng phơi sương Trảng Bàng".

Bên cạnh đó, nhiều mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được triển khai áp dụng: Hệ thống nhà màng, nhà lưới sử dụng hệ thống tưới nước, bón phân tự động; trồng rau thủy canh, trên giá thể; hệ thống kết hợp trồng rau và nuôi cá; chuyển đổi cơ cấu cây trồng mía, mì, cao su, lúa sang cây ăn trái; Chăn nuôi sử dụng công nghệ trại lạnh, kín, tự động hóa; trang trại lạnh, kín, tự động hóa các khâu; chăn nuôi bò thịt vỗ béo, chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, xử lý chất thải trong chăn nuôi giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; Nuôi trồng thủy sản áp dụng kỹ thuật nuôi cá trong vèo giai đoạn đầu để giảm tỷ lệ hao hụt, xử lý ao trước khi nuôi và quản lý môi trường nước ao nuôi, một số đối tượng có giá trị kinh tế cao được quan tâm đầu tư phát triển như (tôm càng xanh toàn đực, nuôi cá chép giòn, ba ba, lươn, cá thát lát; nuôi trồng thủy sản (tôm càng xanh toàn đực, nuôi cá chép giòn)... Nhìn chung các dự án, mô hình giúp nông dân tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới bước đầu góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững, giảm chi phí sản xuất, tăng giá trị và lợi nhuận.

2.7. Công nghiệp chế biến, cơ giới hóa, bảo quản sau thu hoạch

Hoạt động sản xuất chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh đang ngày được phát triển có thêm 1 nhà máy chế biến rau, củ, quả công suất 500 tấn nguyên liệu/ngày; phát triển mới và thay đổi công nghệ 6 nhà máy, nâng tổng số 67 nhà máy mì tổng công suất khoảng 6,4 triệu tấn củ/năm (trong đó có 06 nhà máy chế biến sâu; 04 nhà máy sản xuất tinh bột biến tính và 02 nhà máy sản xuất mạch nha); 23 nhà máy cao su với tổng công suất khoảng 431 tấn sản phẩm/ngày; 20 nhà máy điều với tổng công suất 15.000 tấn điều nhân/năm; một số nhà máy có Thiết bị, công nghệ sản xuất được đầu tư ngày càng cải tiến thay đổi theo hướng hiện đại; nhu cầu nguyên liệu nhìn chung chưa đáp ứng đủ năng lực chế biến của các nhà máy, tuy nhiên một số nhà máy bước đầu đã đầu tư công nghệ để tận dụng các phụ phẩm từ chế biến mía, mì chế biến thức ăn gia súc, điện, phân bón, giá trị hàng nông sản được nâng lên.

Ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất ngày càng đồng bộ tập trung trên cây mía với 99% cơ giới hóa đối với khâu làm đất; 25 - 35% đối với khâu chăm sóc; 14% đối với khâu thu hoạch và 99% đối với khâu vận chuyển; cây mì với 96% cơ giới hóa đối với khâu làm đất; 15 - 30% đối với khâu chăm sóc; 3% đối với khâu thu hoạch và 97% đối với khâu vận chuyển, cây lúa 100% đối với khâu làm đất và thu hoạch.

3. Xây dựng nông thôn mới

Đến nay đã có 36/80 xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 08 xã biên giới), chiếm 45% số xã toàn tỉnh; kế hoạch cuối năm 2019 có thêm 06 xã đạt chuẩn NTM, nâng tổng số xã đạt chuẩn lên 42/80 xã. Bình quân toàn tỉnh đạt 16,1 tiêu chí/xã, tăng 9 tiêu chí so với cuối năm 2012 (7,1 tiêu chí/xã), không có xã dưới 10 tiêu chí.

Cơ sở hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư; các đề án, dự án, các chính sách trên lĩnh vực phát triển nông nghiệp được chú trọng xây dựng. Giai đoạn 2013 – 2019, toàn tỉnh đã xây dựng, nâng cấp trên 1.022 km đường giao thông nông thôn (trong đó nhựa, bê tông hóa 306 km đường trục xã, liên xã, cứng hóa 618 km đường ấp, ngõ xóm, trục chính nội đồng); bê tông hóa 63 km kênh nội đồng (kênh tưới) phục vụ sản xuất; đầu tư cải tạo, nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới 49 công trình điện nông thôn; xây dựng 219 trường học đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất; xây dựng, nâng cấp 30 Trung tâm Văn hóa - Thể thao và học tập cộng đồng xã, 237 nhà văn hóa ấp đạt chuẩn quy định; cải tạo, nâng cấp 18 chợ nông thôn; hỗ trợ nâng cấp 30 trạm truyền thanh xã, trang bị cho các cụm truyền thanh không dây ở các ấp... tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế văn hóa của người dân nông thôn.

Quá trình cơ cấu lại nông nghiệp luôn gắn xây dựng nông thôn thôn mới từ phát triển kết cấu hạ tầng gắn quy hoạch vùng sản xuất, chuyển đổi sản xuất góp phần nâng cao giá trị gia tăng, gia tăng thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 46,4 triệu đồng/người/năm (ước năm 2019), tăng 22 triệu đồng/người so với năm 2012 (24,4 triệu đồng/người/năm).

4. Kết quả thực hiện các giải pháp

4.1. Đổi mới cơ chế, chính sách

Các đề án, dự án, chính sách hỗ trợ sản xuất được xây dựng ban hành từng bước thúc đẩy phát triển nông nghiệp. Liên kết sản xuất – tiêu thụ xúc tiến thương mại đạt được những kết quả tích cực, một số nhà đầu tư sản xuất – tiêu thụ nông sản, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh quan tâm, đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Giai đoạn 2013-2019, đã thu hút 24 dự án đầu tư vào nông nghiệp trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tổng vốn 1.652 tỷ đồng nâng tổng số dự án là 70 dự án với vốn đầu tư trên 4.040 tỷ đồng. Thu hút xây dựng và đưa vào hoạt động 01 nhà máy chế biến rau quả Tanifood với tổng mức đầu tư 1.820 tỷ đồng, công suất 500 tấn nguyên liệu/ngày với nhu cầu diện tích vùng nguyên liệu 7.125 ha; 01 trang trại bò sữa Vinamilk Tây Ninh đạt tiêu chuẩn GlobalGAP với tổng đàn 8.000 con nằm trong hệ thống trang trại chuẩn Global G.A.P lớn nhất châu Á của Vinamilk và được ứng dụng công nghệ 4.0 một cách toàn diện trong quản lý trang trại và chăn nuôi bò sữa; 01 nhà máy chế biến, giết mổ gia súc, dây chuyền hệ thống mổ treo đạt tiêu chuẩn với qui mô 200 con trâu, bò/ngày (Công ty TNHH Pacow International).

Các Ngân hàng Thương mại Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh ký kết Quy chế phối hợp thực hiện chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết số 30/NQ-CP, ngày 07/3/2017 của Chính phủ.

Đã cụ thể hóa 02 chính sách của Trung ương và ban hành 05 chính sách của tỉnh như: chính sách khuyến nông; chính sách hỗ trợ thủy lợi phí; chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ; chính sách hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý nước hộ gia đình nông thôn; chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn nông thôn và gần đây đã ban hành chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp và người sản xuất đăng ký mã số vùng trồng đối với nông sản xuất khẩu sang Trung Quốc thời gian qua; hỗ trợ phần mềm truy xuất nguồn gốc,...đã từng bước tạo động lực thúc đẩy và hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp.

4.2. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ

Đối với các công ty nông nghiệp: đã hoàn thành phương án sắp sếp đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của 03 công ty theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó thực hiện cổ phần hóa 02 công ty (Công ty Mía đường, Công ty 1/5), sắp xếp đổi mới hoạt động công ty cao su 22/12. Các công ty sau khi sắp xếp đã đi vào hoạt động hiệu quả, riêng công ty 1/5 sau khi thực hiện cổ phần hoạt động kém hiệu quả, tỉnh đang làm thủ tục giải thể theo quy định. Ngoài ra, tỉnh đang phối hợp với các công ty nông nghiệp rà soát chuyển đổi khoảng 10.000 ha cao su sang phát triển khu công nghiệp, khu dân cư, dự án điện mặt trời, trồng cây ăn quả, chăn nuôi bò sữa, bò thịt,...

Mô hình Kinh tế hợp tác luôn được quan tâm phát triển, hiện có 108 HTX nông nghiệp hoạt động theo luật HTX năm 2012. Tổng số thành viên của các HTX là 2.846 người, số lao động làm việc thường xuyên khoảng 1.300 người; Doanh thu bình quân hàng năm của mỗi HTX là 850 triệu đồng; lãi bình quân hàng năm của một HTX là 250 triệu

đồng; thu nhập bình quân lao động thường xuyên trong HTX là khoảng 54 triệu đồng/lao động/năm (khoảng 4,5 triệu đồng/tháng). Ngoài ra đã tuyển được 09 lao động là cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã.

Các ngành nghề, làng nghề truyền thống phát triển ổn định, tạo việc làm góp phần cải thiện đời sống người dân với 10 nghề truyền thống và 01 làng nghề truyền thống được công nhận, đã hình thành tổ chức kinh tế hợp tác như mây, tre đan (đan lát); đúc gang; mộc gia dụng; se nhang; chằm nón lá…Trong đó, một số sản phẩm đặc sản của tỉnh đã có thương hiệu và được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận như: Muối ớt Tây Ninh; Mãng cầu núi Bà Đen; đặc biệt sản phẩm bánh tráng phơi sương Trảng Bàng được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận là một trong các sản phẩm nằm trong danh mục Di sản Văn hoá phi vật thể cấp Quốc gia (năm 2016).

4.3. Công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm

Công tác thanh tra quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, giống cây trồng,… đã có nhiều chuyển biến tích cực, trong đó tăng về số cuộc thanh tra, số cơ sở được thanh tra, số mẫu sản phẩm kiểm nghiệm hàng năm trên 10%, nguồn kinh phí thanh tra qua các năm đều tăng, gấp 6,25 lần so với năm 2013 (năm 2013: 120 triệu, năm 2019: 750 triệu). Qua đó nâng cao từng bước củng cố chấn chỉnh việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp không đạt yêu cầu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước.

Qua kết quả thanh tra cho thấy số cuộc thanh tra, số cơ sở thanh tra tăng và tỷ lệ vi phạm có xu hướng giảm (tỷ lệ cơ sở vi phạm năm 2013 chiếm 35,3%, năm 2019 giảm còn dưới 10%) cho thấy ý thức chấp hành quy định pháp luật của các cơ sở, cá nhân đã được nâng cao; nghiêm khắc xử phạt vi phạm hành chính kết hợp với công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện đúng, đầy đủ quy định trong sản xuất, kinh doanh.

4.4. Lao động và chất lượng nguồn nhân lực

Cơ cấu lao động trong nông nghiệp có xu hướng giảm dần từ 42% năm 2014 giảm xuống còn 29,56% năm 2018 (194.019/655.041 lao động).

Trong những năm qua, Tỉnh luôn quan tâm đến công tác đào tạo nguồn nhân lực nhất là khu vực nông thôn, kết quả từ năm 2013 – 2019 đã tổ chức đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng được 1.062 lớp, 35.742 học viên (bình quân 5.106 học viên/năm). Giai đoạn 2016-2018, số lao động nông thôn đã học nghề xong là 9.481 người (đạt 100%), số lao động nông thôn có việc làm sau học nghề là 7.921 người (đạt 83,5%); được doanh nghiệp, HTX tuyển dụng: 69 người; tự tạo việc làm: 7.751 người; tham gia Tổ hợp tác, HTX: 101 người. Nhờ tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đẩy mạnh phát triển sản xuất, giải quyết việc làm; đến nay, ngành đã vận động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế xã hội, thu hút đầu tư, khuyến khích thành lập doanh nghiệp tạo nhiều việc làm mới; bên cạnh đó các chính sách của Nhà nước về hỗ trợ vốn từ Qũy Quốc gia giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận vay vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn, góp phần hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nâng thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2019 ước đạt 50 triệu đồng/người tăng 21,9 triệu đồng/người so với năm 2013 (28,1 triệu đồng/người) góp phần kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm theo tiêu chuẩn mới giảm bình quân 1,5%/năm, xuống còn 1,0% năm 2019.

Công tác bồi dưỡng công chức, viên chức cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tuy nhiên, số lượng người có học hàm, học vị được thu hút không nhiều do chưa có chính sách, cơ chế và môi trường làm việc phù hợp để thu hút nguồn nhân lực.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Ưu điểm

Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, diễn biến phức tạp nhưng với chỉ đạo quyết liệt trong thực hiện cơ cấu ngành nông nghiệp lại đã có nhiều chuyển biến tích cực góp phần duy trì giá trị tăng trưởng ngành nông lâm thủy sản ở mức khá cao, chất lượng tăng trưởng tiếp tục được cải thiện, giá trị năm 2019 đạt 26.522 triệu đồng, tăng 13,2% so với năm 2013; góp phần nâng cao thu nhập và đời sống nông dân và cũng là nền tảng cho phát triển nông nghiệp hiện đại, đáp ứng sự biến đổi của thị trường và kinh tế nông thôn cho giai đoạn tới.

Trồng trọt có chuyển biến rõ nét trong sản xuất, các cây trồng truyền thống, một số cây có doanh thu, lợi nhuận thấp tuy có giảm diện tích nhưng năng suất, sản lượng và hiệu quả sản xuất vẫn được duy trì; chuyển đổi cây trồng chuyển biến nhanh từ cây truyền thống sang phát triển mạnh cây ăn trái sẽ là tiền đề tạo đột phá về giá trị sản xuất những năm tới, đặc biệt giá trị hiệu quả sản xuất gia tăng góp phần tạo sự tăng trưởng phát triển sản xuất ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt 95,5 triệu đồng.

Chăn nuôi có sự chuyển dịch mạnh theo hướng chăn nuôi tập trung, quy mô công nghiệp, chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học; giảm giá thành sản xuất tăng khả năng cạnh tranh, góp phần ổn định cho người chăn nuôi.

Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất liên tục được triển khai rộng rãi đến với người dân, góp phần thúc đẩy sự gia tăng năng suất sản xuất và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

Sản xuất theo hướng đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường từng bước được chú trọng; tạo sự an tâm cho người tiêu dùng và thay đổi nhận thức của người sản xuất.

Chính sách phát triển nông nghiệp, chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh đã khuyến khích thúc đẩy người dân chuyển đổi sản xuất, trách nhiệm trong bảo vệ và phát triển rừng. Công tác bảo vệ phát triển rừng ngày càng được củng cố hiệu quả nâng cao.

Quản lý nhà nước lĩnh vực nông nghiệp thực hiện tập trung có trọng điểm, quyết liệt, hiệu lực, hiệu quả ngày càng nâng cao.

Chương trình xây dựng Nông thôn mới tạo bộ mặt kinh tế xã hội, đời sống, thu nhập nông thôn thay đổi rõ nét; hạ tầng nông nghiệp được tập trung đầu tư nhất là thủy lợi góp phần thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp theo định hướng; tập trung triển khai đồng bộ có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp định hướng cơ cấu lại nông nghiệp gắn xây dựng nông thôn mới.

Tổ chức lại sản xuất, nhất là sắp xếp các công ty nông nghiệp tạo quỹ đất cho phát triển kinh tế xã hội, nhất là chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng nâng cao giá trị gia tăng đã từng bước hình thành; xây dựng nông thôn gắn với cơ chế chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận với đất đai, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

2. Hạn chế

Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp trong tỉnh vẫn còn chậm so yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực làm ảnh hưởng khả năng cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu sự

phát triển.

Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa phát triển chế biến sâu đối với nông sản của tỉnh phát triển còn chậm chưa đáp ứng quá trình chuyển dịch sản xuất.

Chuyển đổi của các công ty nông nghiệp sang mô hình mới triển khai chậm, thiếu cơ chế nên chưa tạo quỹ đất sạch, thúc đẩy chuyển đổi, tạo nguồn lực cho phát triển.

Cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch chậm, tăng trưởng chưa đồng đều, thiếu vững chắc; hiệu quả sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, làng nghề có xu hướng giảm do chi phí đầu tư gia tăng nhất là chi phí lao động, rủi ro thị trường giá xuống thấp, khó tiêu thụ ngày càng lớn do xu hướng bảo hộ của nhiều quốc gia.

Kinh tế hợp tác, hợp tác xã mặc dù có nhiều cơ chế, chính sách nhưng việc phát triển khó khăn, qui mô nhỏ, chưa có mô hình đột phá, chưa tạo được sức hút thúc đẩy nông hộ liên kết để tạo ra sức mạnh trong sản xuất – tiêu thụ.

Vốn đầu tư cho nông nghiệp tuy có tăng so với năm 2013, nhưng vẫn ở mức thấp so với nhu cầu nhiệm vụ phát triển .

Tác động của cơ cấu lại nông nghiệp đối với xây dựng nông thôn mới có địa phương chưa chuyển biến rõ nét, nhất là việc thay đổi thu nhập do chuyển đổi sản xuất mang lại.

*** Nguyên nhân**

- Khách quan:

Thời tiết khí hậu, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, tác động ngày càng lớn đối với sản xuất; thiên tai; giá cả vật tư đầu vào cho sản xuất liên tục tăng cao, trong khi giá nông sản biến động theo chiều hướng bất lợi cho người nông dân trực tiếp sản xuất.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa đa dạng, không ổn định; các yếu tố bất lợi từ thị trường tiêu thụ sản phẩm như an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc là rào cản khắc nghiệt khi xuất khẩu.

Các chương trình, đề án, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp mới được triển khai, chưa đánh giá được hiệu quả mang lại; một số chính sách mới ban hành chưa được triển khai và đánh giá hiệu quả.

Sản xuất nông nghiệp còn manh mún; các mô hình sản xuất hiệu quả nhân rộng chậm; nông dân còn e ngại mô hình sản xuất mới; thiếu vốn sản xuất nên chưa mạnh dạng đầu tư chuyển đổi; chi phí sản xuất theo VietGAP cao trong khi giá sản phẩm không chênh lệch so với sản phẩm thông thường.

- Chủ quan: Chưa kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc, tháo gỡ những nút thắt trong sản xuất. Một số cơ chế, chính sách còn bất cập, khó áp dụng, người dân và các doanh nghiệp nhỏ và vừa không nắm bắt kịp thời do công tác tuyên truyền chưa sâu rộng.

Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quan tâm, thiếu quyết liệt trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp trên địa bàn nhất là cụ thể hóa đề án, chương trình phát triển nông nghiệp; phát triển nông thôn chỉ tập trung vào phát triển hạ tầng, mô hình sản xuất chưa được chú trọng; lĩnh vực lâm nghiệp, hỗ trợ sản xuất, triển khai chính sách xem nhiệm vụ này là của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Nhận thức pháp luật của người dân trên lĩnh vực vật tư nông nghiệp, lâm nghiệp có mặt còn hạn chế; ý thức thay đổi mô hình sản xuất, chế độ canh tác chưa mạnh dạn. Vẫn còn vì lợi ích riêng mà gian lận trong sản xuất và kinh doanh.

Đời sống vật chất, tinh thần người dân còn nhiều khó khăn, thu nhập vẫn còn thấp; sản xuất nông nghiệp chưa phát huy hiệu quả và thiếu tính liên kết; cơ giới hóa và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế.

Nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là sự chuyển dịch nhanh lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ làm khan hiếm lao động nông nghiệp, giá nhân công tăng cao, năng lực giá trị sản xuất yếu làm chi phí sản xuất tăng sức cạnh tranh một số nông sản suy giảm như mía, cao su, lúa,...trong khi cơ giới hóa chưa đáp ứng kịp phát triển sản xuất để thay thế lao động.

Trình độ học vấn; thiếu kinh nghiệm sản xuất, đặc biệt là năng lực quản lý kinh tế tập thể của nông dân, các tổ, nhóm, HTX cũng ảnh hưởng rất lớn đến các mô hình liên kết. Nguồn vốn hỗ trợ cho nông dân sản xuất còn thấp; việc đào tạo nghề chưa đáp ứng nhu cầu tìm việc làm cho lao động nông thôn.

Nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp còn thấp; trong đó vốn hỗ trợ đầu tư trực tiếp phát triển sản xuất lại càng thấp; huy động nguồn lực của người dân trong đầu tư xây dựng nông thôn mới còn thấp so với yêu cầu.

Các chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn chưa đồng bộ, mức đầu tư còn dàn trải, hiệu quả kinh tế thấp, chưa tạo động lực đẩy mạnh tốc độ phát triển trong toàn xã hội.

IV. CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CƠ CẤU LẠI NÔNG NGHIỆP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Định hướng, mục tiêu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025

1.1. Định hướng

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xác định nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái là hướng phát triển trọng tâm trong thời gian tới. Rà soát quy hoạch, kế hoạch sản xuất theo lợi thế và nhu cầu thị trường; thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa đáp ứng yêu cầu chuyển dịch lao động; xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; tăng cường năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

1.2. Mục tiêu

- Đến năm 2025, diện tích lúa 129.000 ha; mì 63.900ha; cao su 84.480 ha; mía 8.560 ha. Đối với các cây trồng quy hoạch tăng diện tích (rau thực phẩm, cây ăn quả), tiếp tục thực hiện sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nhà màng, nhà kính nhằm tăng năng suất, sản lượng và diện tích cho sản phẩm; cụ thể rau thực phẩm 22.815 ha, cây ăn quả ổn định diện tích khoảng trên 38.585 ha.

- Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao chiếm trên 30% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh đến năm 2025 góp phần gia tăng tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp; thu hút ít nhất 02 nhà máy sản xuất chế biến rau quả, cây ăn trái gắn với vùng nguyên liệu và chế biến giết mổ gia súc hiện đại.

- Đến năm 2025 có ít nhất 40% sản lượng nông sản thực phẩm an toàn (bao gồm rau quả, trái cây, lúa,..) được chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ; xây dựng ít nhất 02-03 thương hiệu nông sản đặc thù của tỉnh.

- Phát triển chăn nuôi theo phương thức bán công nghiệp và công nghiệp (đặc biệt heo, gà), có kiểm soát, áp dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, an toàn sinh học, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi bò hướng thịt. Phấn đấu đến năm 2025 tỷ trọng chăn nuôi trong GTSX nông nghiệp năm cuối giai đoạn đạt 22%. Bình quân giá trị sản phẩm thu hoạch đất trồng trọt đạt trên 115 triệu đồng/ha đến năm 2025.

- Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường; từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh. Xử lý cơ bản các tồn tại vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng (nay là Luật Lâm nghiệp). Tỷ lệ che phủ rừng đạt 16,4% đến năm 2025.

- Tăng cường quản lý, quy hoạch các vùng chuyển đổi, đảm bảo phát triển bền vững. Triển khai thực hiện các dự án phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi vùng cây trồng, dự án phát triển nông nghiệp của tỉnh từ nguồn vốn vay ADB và các dự án án trọng điểm của tỉnh.

- Việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất của các Công ty nông nghiệp; tiếp tục phê duyệt phương án sử dụng đất đối với các công ty còn lại; hoàn thành hồ sơ giao đất, thuê đất; hoàn thành căn bản cắm mốc ranh giới, cấp bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chuyển đổi khoảng 10.000 ha cao su sang phát triển khu công nghiệp, khu dân cư, dự án điện mặt trời, trồng cây ăn quả, chăn nuôi bò sữa, bò thịt...

2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

2.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức các ngành, các cấp về tái cơ cấu nông nghiệp

Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt chủ trương cơ cấu lại nông nghiệp đến toàn thể các ngành, các cấp, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Tập trung tuyên truyền về lợi thế cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh; công tác tích tụ ruộng đất, sản xuất hàng hóa quy mô lớn; đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi; đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp; phòng trừ dịch bệnh; xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm nông nghiệp. Riêng xây dựng nông thôn mới cần tiếp tục lựa chọn nội dung tuyên truyền có trọng tâm trọng điểm, tuyên truyền các cách làm, kinh nghiệm, mô hình hiệu quả; xây dựng các phong trào thi đua…

2.2. Đẩy mạnh tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại

Định hướng các vùng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn đầu tư hạ tầng nhằm thúc đẩy phát triển một số vùng sản xuất chuyên canh cây ăn trái chất lượng cao thúc đẩy chuyển đổi đất lúa, cao su sang phát triển cây ăn trái, nhất là vùng đất thấp, đất nông trường giao về địa phương. Từng bước phát triển nông nghiệp đô thị tại các huyện, trong đó tập trung phát triển các loại rau quả công nghệ cao, hoa, cây cảnh; từng bước hình thành vùng nguyên liệu hướng tới xuất khẩu.

Tăng cường ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trong sản xuất đồng thời nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ sâu bệnh (đặc biệt là bệnh khảm lá khoai mì và sâu keo mùa thu hại bắp).

Mở rộng triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc Kipus và đăng ký thông tin mã vùng trồng phục vụ xuất khẩu nông sản tỉnh, thu hút các doanh nghiệp nông nghiệp phát triển mạnh làm đầu tàu dẫn dắt, phát triển nông sản giá trị cao, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến.

Triển khai thực hiện tốt các Quy hoạch đã được phê duyệt như: Quy hoạch định hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Quy hoạch phát triển thủy lợi; Quy hoạch nông thôn mới. Xác định vùng chuyên canh thu hút

đầu tư các dự án nông nghiệp theo định hướng tái cơ cấu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi cây trồng có giá trị gia tăng cao.

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp theo định hướng phù hợp quy hoạch gắn xây dựng nông thôn mới. Xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030; tiếp tục thúc đẩy và xây dựng một số ngành hàng theo chuỗi giá trị.

Huy động nguồn lực đầu tư vào các hạng mục chuỗi giá trị của các ngành hàng, nhất là thu hút vốn đầu tư của các nhà doanh nghiệp; huy động các nguồn lực xã hội, thí điểm đổi mới đầu tư theo hình thức đối tác công tư để phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới.

2.3. Đổi mới cơ chế, chính sách

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi các chính sách đã ban hành cho phù hợp với tình hình thực tế. Tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Hoàn chỉnh Đề án sắp xếp đất các Công ty nông nghiệp được vào quản lý sử dụng hiệu quả, nhất là sử dụng đất công đảm bảo quy định; thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật các vùng nông nghiệp công nghệ cao.

Phát triển đầu tư công - tư cho một số hạ tầng sản xuất nông nghiệp Tây Ninh với chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

2.4. Tổ chức sản xuất

Tổ chức thực hiện Chương trình phát triển hợp tác xã kiểu mới và chuỗi giá trị nông sản; đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, phát triển trang trại theo hướng chú trọng hơn tới việc tổ chức nông dân sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu.

Tăng cường liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ trên cơ sở phát triển các hình thức hợp tác, liên kết đa dạng giữa hộ gia đình và doanh nghiệp, tổ chức hợp tác xã và tổ chức tín dụng, phát triển cánh đồng lớn gắn với hình thành các vùng chuyên canh, phát triển mạnh hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới.

Phấn đấu mỗi huyện, thành phố và từng ngành nghề có hợp tác xã kiểu mới làm ăn hiệu quả, nâng cao giá trị hàng hóa theo chuỗi giá trị gia tăng, có quy mô lớn, tác dụng lan tỏa.

Phát huy vai trò của Liên minh Hợp tác xã trong việc vận động hướng dẫn khuyến khích nông dân tham gia hợp tác xã.

Tăng cường công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người dân; đồng thời thay đổi phong tục, tập quán, kỹ luật lao động thích ứng với môi trường nông nghiệp sạch, công nghệ cao.

Sắp xếp, chuyển đổi mô hình sản xuất của các công ty nông nghiệp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất; duy trì hình thành các vùng sản xuất tập trung cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.

2.5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông thôn

Xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể để thu hút nguồn lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng. Tổ chức đưa cán bộ kỹ thuật, doanh nghiệp, nông dân tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình nông nghiệp công nghệ mới tại các tỉnh, thành phố trong nước hoặc các nước có nền nông nghiệp phát triển như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Đài Loan, Israel.

Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư và tạo việc làm cho lao động tại địa phương; thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo nghề gắn với việc làm. Mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới theo nhu cầu của lao động, doanh nghiệp, thị trường; gắn đào tạo nghề với quy hoạch xây dựng nông thôn mới và phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp.

Đổi mới hoạt động huấn luyện, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho cán bộ quản lý và nông dân; xây dựng mới một số trung tâm thực nghiệm sản xuất gắn với đào tạo nghề, đào tạo kỹ thuật.

2.6. Phát triển khoa học và công nghệ

Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ; phát triển mạnh nông nghiệp công nghệ cao nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh.

Tạo điều kiện và hỗ trợ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân liên kết sản xuất nhân rộng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát huy mạnh vai trò của các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đầu mối tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Đổi mới nội dung và phương pháp khuyến nông theo hướng sản xuất gắn với thị trường; chuyển đổi sản xuất hướng tới xuất khẩu, trong đó chủ động xây dựng các mô hình khuyến nông phục vụ chuyển đổi mạnh mẽ tái cơ cấu nông nghiệp.

Phát triển trung tâm dữ liệu số để số hóa và lưu trữ các thông tin từ vùng trồng, thổ nhưỡng, nông dân cho đến kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm nuôi trồng và các thông tin khác trên các khâu của toàn chuỗi giá trị ngành hàng.

2.7. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế

Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển thị trường; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, phát triển thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc hàng nông sản.

Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, truyền thông quảng bá thương hiệu, giới thiệu và đưa nông sản của tỉnh vào các hệ thống siêu thị lớn; kêu gọi các nhà đầu tư trong nước và quốc tế tham gia vào các dự án đầu tư nông nghiệp của tỉnh.

Tăng cường công tác thông tin thị trường nhằm cung cấp kịp thời cho người sản xuất về tình hình giá cả, dự báo ngắn và dài hạn về xu hướng thị trường trong khu vực và trên thế giới.

Chủ động phối hợp với cơ quan xúc tiến Trung ương thường xuyên cập nhật thông tin về các chương trình, sự kiện xúc tiến thương mại lên Trang thương mại điện tử của tỉnh, Website của Trung tâm xúc tiến, kịp thời thông tin, hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất cho cộng đồng doanh nghiệp cùng đồng hành tham gia. Ngoài ra, thông qua các cơ quan truyền thông để cung cấp thông tin, giới thiệu hình ảnh của tỉnh, sản phẩm thế mạnh, tiêu biểu, đặc sản của địa phương đến doanh nghiệp, đối tác và những người quan tâm trong nước và quốc tế.

2.8. Nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước; đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính

Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống quản lý nông nghiệp từ tỉnh đến huyện, xã, làm rõ và tách bạch chức năng hành chính công và dịch vụ công, xoá bỏ trùng lặp; tăng cường hệ thống quản lý nhà nước về nông nghiệp cho cấp huyện, xã;

Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn.

Tăng năng lực cho hệ thống quản lý chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (con người và trang thiết bị), đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng và nâng cao hiệu quả xuất khẩu.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và sự tham gia của Nhân dân.

Trên đây là báo cáo Sơ kết thực hiện Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2025"./.

Nơi nhận:
- Bộ NN&PTNT ;
- TT.TU, TT.HĐND;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh

15KTTC_V NAM_BCUB

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến